Tổng CTCP Công trình Viettel (CTR - HSX)

Báo cáo nhanh

Ngày 02/2/2026

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ106,000
Tiềm năng tăng/giảm: 11.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (26/1/2026)	94,900
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	72,126-125,318
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	96,633
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	10,855
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	415
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	47.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.80%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

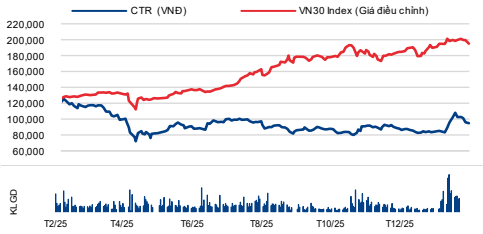

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	12,610	14,008	15,920
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,032	1,231	1,403
LNTT (tỷ đồng)	672	754	840
LNT ĐC (tỷ đồng)	403	452	504
FCF (tỷ đồng)	340	603	210
EPS ĐC (đồng)	3,522	3,955	4,405
DPS (đồng)	2,150	2,500	2,500
BVPS (đồng)	16,305	17,760	19,665
T.trưởng EBITDA (%)	13.4	19.2	14.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	1.44	12.3	11.4
Tăng trưởng DPS (%)	(21.0)	16.3	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.18	8.79	8.81
Tỷ suất LNTT (%)	5.33	5.38	5.27
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.27	4.31	4.22
Tỷ lệ LN trả CT (%)	61.1	63.2	56.8
Nợ thuần/VCSH (%)	61.7	45.7	48.5
ROAE (%)	27.9	31.0	31.4
ROACE (%)	29.5	30.7	31.9
EV/doanh thu (lần)	0.85	0.77	0.67
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.4	8.72	7.65
P/E ĐC (lần)	26.9	24.0	21.5
P/B (lần)	5.82	5.34	4.83
Lợi suất cổ tức (%)	2.27	2.63	2.63

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA
Trưởng phòng , Ngành Công Nghiệp &
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2025: Lợi nhuận tăng khiêm tốn, sát với dự báo

- CTR đã công bố KQKD sơ bộ cho năm 2025 với doanh thu thuần đạt 14 nghìn tỷ đồng và LNTT đạt 745 tỷ đồng (cả hai đều tăng trưởng 11%), sát với dự báo và hoàn thành lần lượt 100% và 99% kỳ vọng cho cả năm 2025 của HSC.
- Kết quả này cho thấy doanh thu thuần Q4/2025 đạt 4 nghìn tỷ đồng (tăng 13% so với cùng kỳ), và LNTT đạt 200 tỷ đồng (tăng 3% so với cùng kỳ).
- Trong quý, CTR đã lắp đặt thêm 671 trạm BTS mới (riêng tháng 12/2025 là 220 trạm), nâng tổng số trạm BTS tính đến cuối năm 2025 lên 12.000 trạm, sát với dự báo của chúng tôi và KHKD của công ty. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu 106.000đ (tiềm năng tăng giá 12%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

Doanh thu thuần Q4/2025 tăng 13% so với cùng kỳ đạt 4 nghìn tỷ đồng trong khi LNTT tăng khiêm tốn 3% so với cùng kỳ đạt 200 tỷ đồng. Đà tăng trưởng ở hầu hết các mảng kinh doanh (ngoại trừ doanh thu mảng xây dựng giảm 10% so với cùng kỳ) đã thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của doanh thu thuần. Trong khi đó, LNTT có tốc độ tăng trưởng chậm hơn chủ yếu do có sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu và tác động tiêu cực từ điều kiện thời tiết bất lợi.

Doanh thu thuần: Tăng mạnh ở 3 trên 4 mảng kinh doanh

Trong Q4/2025, doanh thu các mảng vận hành mạng lưới, mảng cho thuê hạ tầng và mảng giải pháp tích hợp tăng mạnh từ 24-32% so với cùng kỳ, trong khi doanh thu mảng xây dựng giảm 10% so với cùng kỳ. Chi tiết như sau:

- **Mảng vận hành mạng lưới** ghi nhận doanh thu trong quý tăng 32% so với cùng kỳ, đạt 1,9 nghìn tỷ đồng và tăng trưởng 3% trong cả năm 2025 (đạt 6,4 nghìn tỷ đồng). Trong Q4/2025, CTR cung cấp thêm các dịch vụ bảo trì để duy trì chất lượng mạng lưới của Viettel trong điều kiện thời tiết bất lợi, từ đó thu được thêm doanh thu từ dịch vụ này.
- **Mảng xây dựng** ghi nhận doanh thu giảm 10% so với cùng kỳ, xuống còn 1,2 nghìn tỷ đồng nhưng vẫn tăng trưởng 14% trong cả năm 2025, đạt 4,6 nghìn tỷ đồng. Doanh thu trong Q4 giảm là do điều kiện thời tiết bất lợi trên cả nước, làm gián đoạn các hoạt động xây dựng.
- Doanh thu **mảng cho thuê hạ tầng** trong quý tăng 24% so với cùng kỳ (đạt 222 tỷ đồng) và tăng trưởng 36% đạt 858 tỷ đồng trong cả năm 2025, nhờ mạng lưới trạm BTS được mở rộng. Trong quý, CTR đã lắp đặt thêm 671 trạm BTS mới (riêng tháng 12/2025 là 220 trạm), nâng tổng số trạm BTS tính đến cuối năm 2025 lên 12.000 trạm, sát với dự báo của chúng tôi và KHKD của công ty. Tuy nhiên, do tốc độ lắp đặt trạm BTS chậm lại trong năm 2025 (2.000 trạm mới so với 3.564 trạm trong năm 2024), nên tốc độ tăng trưởng của mảng này có phần chững lại.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 27/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/25, CTR

LNTT Q4/2025 tăng khiêm tốn 3% so với cùng kỳ lên 200 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	2025	Tăng trưởng	% dự báo HSC
Doanh thu thuần	3,574	4,042	13.1%	1.9%	12,663	14,050	11.0%	100.3%
LNTT	195	200	2.6%	-4.7%	672	745	10.9%	98.8%

Nguồn: CTR, HSC

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

Chúng tôi dự báo tốc độ lắp đặt trạm BTS sẽ tiếp tục chậm lại trong năm 2026 (giả định lắp thêm 1.000 trạm mới), nên tốc độ tăng trưởng doanh thu của mảng cho thuê hạ tầng chậm lại. Phần sụt giảm này dự kiến sẽ được bù đắp một phần từ sự mở rộng của mảng năng lượng mặt trời. Đến cuối năm 2025, CTR sở hữu 16,92 MWp hạ tầng năng lượng mặt trời và đặt mục tiêu có thêm 1 MWp trong năm 2026. Với việc năng lượng sạch trở thành trọng tâm mới, HSC kỳ vọng mảng này sẽ được mở rộng hơn nữa để bù đắp cho tốc độ lắp đặt trạm BTS mới chậm lại.

- **Mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật** ghi nhận doanh thu trong quý tăng vọt 31% so với cùng kỳ (đạt 632 tỷ đồng) và tăng trưởng 24% trong cả năm 2025 (đạt 2 nghìn tỷ đồng), nhờ nhu cầu lắp đặt năng lượng mặt trời. Trong năm 2025, CTR đã lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà cho 5.423 hộ gia đình (tăng 3,5 lần so với cùng kỳ). Đến cuối 2025, CTR đã triển khai tổng cộng 10.538 dự án năng lượng mặt trời (tương đương 339 MWp) trên toàn quốc, khẳng định vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực này.

LNTT: Tăng trưởng khiêm tốn do thay đổi cơ cấu doanh thu

Mặc dù doanh thu tăng 13% so với cùng kỳ, LNTT chỉ tăng nhẹ 3% lên 200 tỷ đồng. HSC cho rằng LNTT tăng chậm lại là do cơ cấu doanh thu thay đổi, vì mảng vận hành mạng lưới, vốn có tỷ suất lợi nhuận thấp, có tỷ lệ đóng góp vào doanh thu cao hơn (chiếm 48% trong Q4/2025 so với 41% trong Q4/2024), cùng với ảnh hưởng của điều kiện thời tiết bất lợi.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng; giữ nguyên giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giữ nguyên dự báo lợi nhuận và giá mục tiêu 106.000đ (tiềm năng ước tăng giá 12%). Cho năm 2026, chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần đạt 672 tỷ đồng, tăng trưởng 13%.

Ở thị giá hiện tại, CTR đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh trượt dự phóng 1 năm là 8,8 lần, nhỏ hơn bình quân từ năm 2021 ở mức 10,8 lần. Chúng tôi ưa thích cổ phiếu CTR nhờ có vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông và bước đi tiên phong trong thị trường hạ tầng thông minh. Mặc dù tốc độ lắp đặt trạm BTS chậm lại có thể ảnh hưởng đến tâm lý thị trường trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng với việc mở rộng HĐKD sang hạ tầng thông minh, CTR sẽ hưởng lợi từ các chủ trương của Chính phủ trong việc thúc đẩy hạ tầng số quốc gia trong dài hạn.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, CTR

Trong Q4/2025, doanh thu mảng vận hành, cho thuê và giải pháp tích hợp tăng trưởng mạnh, trong khi mảng xây dựng giảm 10% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q/24	Q3/25	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	2025	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	**3,574**	**3,965**	**4,042**	**13.1%**	**1.9%**	**12,663**	**14,050**	**11.0%**
Vận hành	1,472	2,030	1,944	32.1%	-4.2%	6,252	6,439	3.0%
Xây dựng	1,370	1,082	1,225	-10.6%	13.2%	4,075	4,639	13.8%
Cho thuê hạ tầng	181	222	225	23.9%	1.2%	631	858	36.1%
Giải pháp tích hợp	483	631	632	30.8%	0.0%	1,655	2,045	23.6%

Nguồn: CTR

Bảng 3: Số trạm BTS bổ sung, CTR

CTR đã bổ sung 671 trạm BTS trong Q4/2025 và 2000 trạm cả năm 2025, nâng tổng số trạm BTS lên 12.000 trạm tính đến cuối năm 2025

	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng số trạm BTS	10,350	10,770	11,329	12,000
Số trạm BTS mới	350	420	559	671
Lũy kế từ đầu năm	350	770	1,329	2,000

Nguồn: CTR

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HĐKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	11,370	12,610	14,008	15,920	17,738
Lợi nhuận gộp	902	884	1,001	1,134	1,265
Chi phí BH&QL	(248)	(169)	(210)	(239)	(266)
Thu nhập khác	2.82	3.98	0	0	0
Chi phí khác	(4.96)	(6.50)	(5.60)	(6.37)	(7.10)
EBIT	**652**	**713**	**785**	**889**	**992**
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(31.1)	(49.6)	(51.8)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	**656**	**672**	**754**	**840**	**940**
Chi phí thuế TNDN	(131)	(134)	(151)	(168)	(188)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	**525**	**538**	**603**	**672**	**752**
Lợi nhuận thuần ĐC	**397**	**403**	**452**	**504**	**564**
EBITDA ĐC	**910**	**1,032**	**1,231**	**1,403**	**1,570**
EPS (đồng)	3,472	3,522	3,955	4,405	4,931
EPS ĐC (đồng)	3,472	3,522	3,955	4,405	4,931
DPS (đồng)	2,720	2,150	2,500	2,500	3,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	652	713	785	889	992
Khấu hao	(258)	(319)	(445)	(514)	(578)
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(31.1)	(49.6)	(51.8)
Thuế TNDN đã nộp	(57.7)	(116)	(151)	(168)	(188)
Thay đổi vốn lưu động	(195)	465	5.47	(153)	(92.5)
Khác	96.6	(133)	125	(253)	(263)
LCT thuần từ HĐKD	**573**	**1,141**	**1,173**	**780**	**971**
Đầu tư TS dài hạn	(483)	(801)	(570)	(570)	(570)
Góp vốn & đầu tư	(2,222)	(1,651)	0	0	0
Thanh lý	0	1.11	0	0	0
Khác	2,546	1,850	(2.19)	(2.99)	(2.84)
LCT thuần từ HĐĐT	**(159)**	**(600)**	**(572)**	**(573)**	**(573)**
Cổ tức trả cho CSH	(117)	(525)	(286)	(286)	(343)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	108	51.4	399	(86.9)	(177)
Khác	0	0	(15.3)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	**(9.31)**	**(474)**	**97.8**	**(373)**	**(520)**
Tiền & tương đương tiền đầu kì	414	819	887	1,586	1,420
LCT thuần trong kỳ	**404**	**66.8**	**699**	**(166)**	**(122)**
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	**818**	**885**	**1,586**	**1,420**	**1,298**
Dòng tiền tự do	**89.7**	**340**	**603**	**210**	**401**

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	819	887	1,586	1,420	1,298
Đầu tư ngắn hạn	1,000	854	560	637	710
Phải thu khách hàng	2,999	2,937	3,082	3,343	3,548
Hàng tồn kho	790	610	630	700	763
Các tài sản ngắn hạn khác	81.1	134	119	127	133
Tổng tài sản ngắn hạn	**5,689**	**5,421**	**5,978**	**6,228**	**6,450**
TSCĐ hữu hình	285	191	100	7.16	(88.8)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	829	1,223	1,438	1,587	1,676
Đầu tư dài hạn	153	252	252	252	252
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	35.7	19.7	21.9	24.9	27.7
Tổng tài sản dài hạn	**1,302**	**1,685**	**1,812**	**1,871**	**1,866**
Tổng cộng tài sản	**6,991**	**7,106**	**7,789**	**8,099**	**8,316**
Nợ ngắn hạn	1,196	1,052	1,401	1,274	1,064
Phả trả người bán	581	608	700	796	887
Nợ ngắn hạn khác	1,987	2,388	2,351	2,351	2,351
Tổng nợ ngắn hạn	**4,602**	**4,653**	**5,134**	**5,185**	**5,150**
Nợ dài hạn	378	573	623	664	696
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.7	15.3	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	**392**	**588**	**623**	**664**	**696**
Tổng nợ phải trả	**4,994**	**5,241**	**5,758**	**5,849**	**5,846**
Vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,032	2,249	2,470
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	**1,997**	**1,865**	**2,032**	**2,249**	**2,470**
Tổng nợ phải trả và VCSH	**6,991**	**7,106**	**7,789**	**8,099**	**8,316**
BVPS (đ)	17,456	16,305	17,760	19,665	21,596
Nợ thuần*/(tiền mặt)	755	738	438	518	463

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.93	7.01	7.15	7.13	7.13
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.01	8.18	8.79	8.81	8.85
Tỷ suất LNT (%)	4.61	4.27	4.31	4.22	4.24
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.0	19.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	20.1	10.9	11.1	13.6	11.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	17.6	13.4	19.2	14.0	11.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1.79	1.44	12.3	11.4	12.0
Tăng trưởng EPS (%)	1.79	1.44	12.3	11.4	12.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1.79	1.44	12.3	11.4	12.0
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(21.0)	16.3	0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	78.4	61.1	63.2	56.8	60.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.9	27.9	31.0	31.4	31.9
ROACE (%)	30.3	29.5	30.7	31.9	32.6
Vòng quay tài sản (lần)	1.74	1.79	1.88	2.00	2.16
Tiềm mặt HĐ/EBIT (lần)	0.88	1.60	1.49	0.88	0.98
Số ngày tồn kho	27.5	19.0	17.7	17.3	16.9
Số ngày phải thu	105	91.4	86.5	82.5	78.6
Số ngày phải trả	20.3	18.9	19.7	19.7	19.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	70.9	61.7	45.7	48.5	45.3
Nợ/tài sản (%)	32.0	28.7	32.3	31.0	29.1
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	17.4	25.2	17.9	19.1
Nợ/EBITDA (lần)	2.45	1.97	2.04	1.79	1.54
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.17	1.16	1.20	1.25
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.93	0.85	0.77	0.67	0.60
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.7	10.4	8.72	7.65	6.76
P/E (lần)	27.3	26.9	24.0	21.5	19.2
P/E ĐC (lần)	27.3	26.9	24.0	21.5	19.2
P/B (lần)	5.44	5.82	5.34	4.83	4.39
Lợi suất cổ tức (%)	2.87	2.27	2.63	2.63	3.16

*Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.*
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH
Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)